

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quốc Tân

bà Thái Thị Đang

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1965

Trú tại: thôn T2 - xã Đ - huyện DK - Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* bà Ngô Thị Hằng N - sinh năm 1975

Trú tại: thôn T2 - xã Đ - huyện DK - Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/7/2019 và bản tự khai ngày 01/8/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: năm 2001, ông và bà Ngô Thị Hằng N tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H. Quá trình sống chung, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, bà N thường xuyên cờ bạc nên làm gia đình không hạnh phúc. Đến nay, ông xác định không còn tình cảm với bà N nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N. Con chung: chúng tôi có 02 con chung Nguyễn Tấn D (sinh ngày 29/8/2001), Nguyễn Tấn Đ (sinh ngày 04/01/2010). Con lớn đã trưởng thành, ông không yêu cầu gì. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng; Tài sản

chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có.

Tại các bản tự khai 06/8/2019, bị đơn bà Ngô Thị Hằng N trình bày: Từ khi lấy nhau đến nay, ông T không chăm lo cho gia đình, chưa bao giờ ông T đưa tiền cho bà chăm lo cho các con, trước nhà bà có sòng bạc nên bà thỉnh thoảng có đứng xem người ta chơi, ông T là người đam mê cờ bạc, trai gái, ông T thường xuyên đánh đập, đuổi xô bà ra khỏi nhà. Bà không đồng ý ly hôn với ông T vì bà muốn bảo bọc cho con, con bà có chỗ nương tựa. Nếu ông T muốn ly hôn thì ông T phải viết cam kết để lại toàn bộ tài sản cho con. Nếu ly hôn, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng/con. Tài sản chung: bà muốn để lại toàn bộ phần tài sản của bà cho 02 con, ngoài ra bà không yêu cầu gì. Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà N; con chung Nguyễn Tấn D đã trưởng thành và khỏe mạnh nên không có yêu cầu gì, ông đồng ý giao con chung Nguyễn Tấn Đ cho bà N nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Bị đơn bà N: không đồng ý ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: ông T và bà N sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H theo giấy chứng nhận kết hôn số 03.2001 ngày 03/01/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T cho rằng giữa vợ chồng ông đã có sự mâu thuẫn do cách cư xử của bà N, bà N thường xuyên cờ bạc, có quan hệ không rõ ràng với người ngoài xã hội. Bà N cho rằng trong cuộc sống vợ chồng ông T thường xuyên đánh đập, mắng chửi mẹ con bà làm cho gia đình không hạnh phúc. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông T và bà N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[2] Con chung: ông T, bà N có hai con chung là Nguyễn Tấn D (sinh ngày 29/8/2001), Nguyễn Tấn Đ (sinh ngày 04/01/2010). Cháu D đã trưởng thành, khỏe mạnh, ông T và bà N không có yêu cầu gì. Nếu ly hôn, ông T, bà N đều đồng ý giao con chung Nguyễn Tấn Đ (sinh ngày 04/01/2010) cho bà N trực tiếp nuôi

dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là tháng 9/2019.

[3] Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: không có.

[5] Về án phí: ông T nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Ngô Thị Hằng N.

Con chung: Con chung Nguyễn Tấn D (sinh ngày 29/8/2001) đã trưởng thành, khỏe mạnh, ông T và bà N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao con chung Nguyễn Tấn D (sinh ngày 04/01/2010) cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là tháng 9/2019.

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông T, bà N đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Quy định chung: *Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi

hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007062 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa. Ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Mai Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- UBND phường H - tp. Nha Trang - Khánh Hòa (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu.